

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 152/SKHĐT-TH ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.1

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2018 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng 1 + 2 + 3 + 4)			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phi tư vấn	KQM																				
	QM																				
2. Tư vấn	KQM																				
	QM																				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																				
	QM																				
4. Xây lắp	KQM																				
	QM																				
5. Hỗn hợp	KQM																				
Tổng cộng I																					
Tổng cộng KQM																					
Tổng cộng QM																					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM																			
		QM																			
	Quốc tế	KQM																			
2. Hạn chế	Trong nước	KQM																			
		QM																			
	Quốc tế	KQM																			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																			
		QM																			
	Quốc tế	KQM																			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																			
		QM																			
	Quốc tế	KQM																			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	KQM																			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																			
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	KQM																			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																			
Tổng cộng II																					
Tổng cộng KQM																					
Tổng cộng QM																					

Ghi chú: Số hiệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA

* Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và các điểm đ, e, g khoản 1 Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013 thì không báo cáo tại Biểu này mà báo cáo tại Biểu 2.2

** Mua sắm tập trung (dự án) được tổng hợp tại Biểu này đồng thời tổng hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

____ ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 152/SKHĐT-TH ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.2

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
CÁC GÓI THẦU MUA SẴM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẴM THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018 THEO
QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, Đ, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13**

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Đơn vị: Triệu đồng			
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I						
Tổng cộng KQM						
Tổng cộng QM						
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II						
Tổng cộng KQM						
Tổng cộng QM						

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả (1) gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên và (2) mua sắm tập trung được tổng hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 152/SKHĐT-TH ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.3

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2018 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng (1 + 2 + 3 + 4)			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phi tư vấn	KQM																				
	QM																				
2. Tư vấn	KQM																				
	QM																				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																				
	QM																				
4. Xây lắp	KQM																				
	QM																				
5. Hỗn hợp	KQM																				
	QM																				
Tổng cộng I																					
Tổng cộng KQM																					
Tổng cộng QM																					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rộng rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
Tổng cộng II																					
Tổng cộng KQM																					
Tổng cộng QM																					

Ghi chú: Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.1
 Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chi thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.2
 KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)
 QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 152/SKHĐT-TH ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.4

Thông tin, số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung năm 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Cách thức lựa chọn nhà thầu (Qua mạng/không qua mạng)	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu mua/nhận HSMT, HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSDX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá ký hợp đồng	Loại Hợp đồng	Cách thức ký hợp đồng (Hợp đồng khung/ hợp đồng trực tiếp)
I. Tên đơn vị mua sắm													
1. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
...													
Tổng cộng I													
II. Tên đơn vị mua sắm													
1. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
...													
Tổng cộng II													
III. Tổng cộng (I+II+...)													

Ghi chú:

- Đơn vị đầu mỗi mua sắm tập trung báo cáo nội dung tại Biểu này; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong mua sắm tập trung không thực hiện báo cáo.
- Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu 2.1 và 2.2.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 152/SKHĐT-TH ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.5

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng														
Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Trạng thái dự án ⁽²⁾	Loại hợp đồng	Lĩnh vực ⁽³⁾	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁴⁾	Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại ⁽⁵⁾	Số lượng nhà đầu tư mua HSMST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư trúng sơ tuyển (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT/HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSĐX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁶⁾	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁷⁾	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
Dự án 1														
Dự án 2														
...														

(1): Ghi các thông tin sau của dự án: tổng vốn đầu tư, quy mô, công suất, diện tích đất để thực hiện dự án, phần nhà nước tham gia trong dự án PPP, phân loại dự án (dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C) theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

(2): Ghi các trạng thái của dự án: Đã công bố danh mục dự án, đã/đang thực hiện sơ tuyển, đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, đã/đang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã lựa chọn được nhà đầu tư, đã ký kết hợp đồng;

(3): Ghi lĩnh vực theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ;

(4): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt. Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, đề nghị nêu rõ lý do áp dụng hình thức này;

(5): Ghi rõ nội dung phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại: phương pháp giá dịch vụ (yêu cầu về giá dịch vụ), phương pháp vốn góp của nhà nước (yêu cầu về phần vốn góp nhà nước tham gia thực hiện dự án), phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước (yêu cầu về đề xuất nộp ngân sách nhà nước), phương pháp kết hợp (mô tả rõ nội dung của phương pháp);

(6): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn;

(7): Ghi thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển hoặc HSMT (nếu không áp dụng sơ tuyển) đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 152/SKHĐT-TH ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.6A

**BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2018
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

PHÂN LOẠI DỰ ÁN VÀ HÌNH THỨC		Tổng số dự án	Tổng đề xuất nộp ngân nhà nước yêu cầu trong HSMT, HSYC	Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO PHÂN LOẠI DỰ ÁN					
1. Công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới					
2. Nhà ở thương mại					
3. Công trình thương mại và dịch vụ					
4. Tổ hợp đa năng					
Tổng cộng I					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ					
1. Rộng rãi	Trong nước				
	Quốc tế				
2. Chỉ định thầu	Trong nước				
	Quốc tế				
3. Đặc biệt	Trong nước				
	Quốc tế				
Tổng cộng II					

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số 152/SKHĐT-TH ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.6B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Trạng thái dự án ⁽²⁾	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư ⁽³⁾	Số lượng nhà đầu tư mua HSMST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư trúng sơ tuyển (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT/HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSĐX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁴⁾	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁵⁾	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
Dự án 1											
Dự án 2											
...											

(1): Ghi các thông tin sau của dự án theo Danh mục dự án được phê duyệt: tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng), diện tích đất để thực hiện dự án;

(2): Ghi trạng thái của dự án: Đã công bố danh mục dự án, đã/đang thực hiện sơ tuyển, đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, đã/đang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã lựa chọn được nhà đầu tư, đã ký kết hợp đồng;

(3): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt;

(4): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn;

(5): Ghi thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển hoặc HSMT (nếu không áp dụng sơ tuyển) đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)